

phần đông mới làm xong trên dưới 20% số thôn phải làm; 3 tỉnh Ninh bình, Nam định, Phú thọ là chậm nhất.

2. So với diện tích sửa sai là con số mà các địa phương dùng để làm kế hoạch, tính thuế nông nghiệp, thì phổ biến diện tích địa chính tăng hơn nhiều, cá biệt có xã thấp hơn trước với tỷ lệ không đáng kể.

Thí dụ:

— Khu vực Vĩnh linh: tính 3 xã đã làm xong, diện tích cũ là 1.180 ha, diện tích địa chính là 1.502 ha, tăng 26%.

— Tỉnh Quảng bình: tính trong 4 huyện đã làm xong, diện tích cũ là 35.340 ha, diện tích địa chính là 45.580 ha, tăng 28%.

— Bốn quận ngoại thành Hà nội: diện tích cũ là 10.659 ha, diện tích địa chính là 13.562 ha, tăng 27%.

3. Có những hợp tác xã ở Quảng bình, Vĩnh linh đang yêu cầu cho sao lại bản đồ địa chính để dùng vào công việc quản lý sản xuất. Có một số Ty Thủy lợi, một số Ủy ban hành chính huyện, xã đang dùng bản đồ địa chính làm công tác thủy lợi.

Đó là chưa kể tác dụng tốt của việc vẽ bản đồ ruộng đất đối với việc làm quy hoạch xây dựng thành phố, xây dựng xí nghiệp, làm đường giao thông, v.v... mà hội nghị sơ kết công tác địa chính do Bộ Tài chính triệu tập hồi đầu tháng 2 năm 1960 đã xác nhận.

4. Việc vận động nhân dân dài thọ một phần chi tiêu về công tác địa chính làm còn kém, nên mới thu được độ 1/3 số tiền dự trù. Trong công tác chi, hiện tượng lãng phí tương đối phổ biến.

Căn cứ nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, đối chiếu với kết quả công tác nói trên, có thể rút ra nhận xét chính sau đây:

Chủ trương tiến hành công tác địa chính là cần thiết và thích hợp với trình độ cán bộ, khả năng của ta hiện nay. Nơi nào mà cấp lãnh đạo địa phương quan tâm đúng mức và quyết tâm thực hiện thì đạt kết quả tốt.

Sở dĩ đến nay công tác tiến hành còn quá chậm, nguyên nhân chủ yếu vẫn là do nhiều địa phương chưa chấp hành nghiêm chỉnh nghị quyết của Hội đồng Chính phủ, chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ về công tác này.

Trước tình hình trên, Thủ tướng Chính phủ yêu cầu các Ủy ban hành chính khu, thành phố, tỉnh, huyện, xã vùng đã cải cách ruộng đất tổ chức kiểm điểm nhằm thống nhất nhận thức về sự cần thiết phải tiến hành công tác địa chính, đề cao ý thức chấp hành nghị quyết và chỉ thị của cấp trên để, trên cơ sở ấy, đặt kế hoạch xúc tiến công tác địa chính, theo những chủ trương sau đây:

1. Công tác địa chính mà trước mắt là việc tu chỉnh bản đồ cũ, do đặc theo phương pháp đơn giản để lập địa bạ là một công tác cần thiết phải làm hiện nay ở nông thôn, kết hợp với các công tác khác như hợp tác hóa nông nghiệp, vận động sản xuất, v.v...

Nơi nào đã làm được trên 50% khối lượng công việc, cần cố gắng hoàn thành toàn bộ công tác trước vụ gặt chiêm. Nơi làm chậm cần cố gắng bố trí kết hợp công tác để làm xong về căn bản những công việc phải làm ở ngoài đồng vào trước tháng mưa lũ nhiều.

Do đó, Ủy ban hành chính các địa phương cần đặt công tác địa chính vào chương trình công tác 6 tháng đầu năm 1960 của địa phương mình.

Sở dĩ cần đặt vấn đề như trên vì, nếu để công tác này kéo dài, sẽ lãng phí nhiều sức người, sức của, gây thêm khó khăn cho việc chỉ đạo của địa phương; đồng thời cũng sẽ không đạt được yêu cầu là phải nắm tương đối chính xác diện tích ruộng đất để phục vụ kịp thời cho việc lãnh đạo nhiều mặt công tác ở nông thôn.

2. Công tác địa chính là một công tác mới, đang gặp khó khăn, đang đòi hỏi phải tăng cường sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính địa phương. Do đó, Ủy ban hành chính các cấp phải thực sự phụ trách công tác này, mỗi cấp (tỉnh, huyện, xã) phải phân công một Ủy viên chuyên trách trong một thời gian cần thiết. Có như vậy mới thực sự tăng cường được sự lãnh đạo của Ủy ban hành chính đối với công tác địa chính để giải quyết các khó khăn về kết hợp công tác, huy động cán bộ, vận động nhân dân dài thọ một phần chi tiêu về công tác địa chính, v.v.

3. Cần chấn chỉnh và củng cố tổ chức địa chính từ tỉnh đến xã theo đúng bản quy định số 656-TC/VP ngày 27-6-1959 của Bộ Tài chính, triệt để sử dụng số cán bộ xã đã học qua các lớp địa chính.

Bộ Tài chính có trách nhiệm hướng dẫn cụ thể các địa phương thi hành chỉ thị này và tổ chức kiểm tra, đôn đốc việc thi hành.

Hà nội ngày 29 tháng 2 năm 1960

K. T. Thủ tướng Chính phủ
Phó Thủ tướng
PHẠM HÙNG

CÁC BỘ

BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

QUYẾT ĐỊNH số 021-QĐ ngày 22-2-1960 sửa đổi nghị định số 160-NĐ ngày 11-4-1955 và nghị định số 31-NĐ ngày 4-4-1959 quy định cước phí bưu điện đi nước ngoài.

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VÀ BƯU ĐIỆN

Căn cứ nghị định số 160-NĐ ngày 11 tháng 4 năm 1955 của Bộ Giao thông Công chính và nghị định số 31-NĐ ngày 4 tháng 4 năm 1959 của Bộ Giao thông và Bưu điện quy định cước phí bưu điện đi nước ngoài;

Căn cứ đề nghị của ông Tổng cục trưởng Tổng cục bưu điện,

09670355
Tel: 3845 6664
LawSoft

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay điều chỉnh phần cước phí bưu thiệp gửi ngoài nước quy định do nghị định số 160-NĐ ngày 11-4-1955 và nghị định số 31-NĐ ngày 4-4-1959 về cước phí công văn, thư tín gửi ngoài nước như sau:

— Công văn và thư tín từ 20 gam trở xuống gửi đi các nước xã hội chủ nghĩa, trước *0đ20*, nay *0đ12*:

— Bưu thiệp thường, trước *0đ18*, nay *0đ06* :

— Bưu thiệp có in ảnh, loại trước hạn chế chữ viết *0đ10* và loại không hạn chế chữ viết *0đ18*, nay nói chung thống nhất không hạn chế chữ viết và cước phí là *0đ06*.

Điều 2. — Các loại công văn và thư tín gửi đi các nước xã hội chủ nghĩa nặng trên 20 gam vẫn áp dụng theo nghị định số 31-NĐ ngày 4-4-1959 không thay đổi.

Điều 3. — Các cước khác ấn định trong nghị định số 8-NĐ ngày 7-1-1955 về cước bưu phẩm gửi ngoài nước không thay đổi.

Điều 4. — Nghị định này thi hành kể từ ngày 1 tháng 3 năm 1960.

Điều 5. — Ông Chánh văn phòng Bộ Giao thông và Bưu điện, ông Tổng cục trưởng Tổng cục bưu điện chịu trách nhiệm thi hành nghị định này.

Hà nội, ngày 22 tháng 2 năm 1960

K. T. Bộ trưởng Bộ Giao thông
và Bưu điện

Thủ trưởng

NGUYỄN HỮU MAI